

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: **18/2019/DS-ST.**

Ngày: 30/8/2019.

V/v “*Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Mạnh Trí.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Văn Thành.

2. Ông Thông Phi.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân S thụ lý số 80/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2018, Về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị S, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn 1, xã HK, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn 4, xã HK, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Mai Thị Q, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn 1, xã HK, huyện T, tỉnh Bình Thuận (Bà Q ủy quyền cho ông Bùi Văn Trọng, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn 1, xã HK, huyện T, tỉnh Bình Thuận, theo văn bản ủy quyền ngày 14/8/2019); Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn 5, xã HK, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

- Bà Võ Thị M, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn 4, xã HK, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Bá Th, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn 4, xã HK, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

- Ông Trần Thanh K, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn 4, xã HK, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

- Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn 4, xã ĐK, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị M1 - Công chức Tư pháp xã HK - huyện T; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản bản lấy lời khai và hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mai Thị S yêu cầu:

Bà Mai Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế theo pháp luật là diện tích 963,8m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 533 và 533A, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729 (nay là thửa đất số 236, mảnh trích đo địa chính số 184-2018 khu vực Thôn 5, xã HK). Giá trị tài sản theo kết quả định giá là 817.650.000đ. Bà S yêu cầu chia đều tài sản thành bốn phần bằng nhau cho bốn người con gồm cho bà Mai Thị S, bà Mai Thị Q, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T.

Căn cứ khởi kiện: Bà Hồ Thị C có bốn người con gồm, bà Mai Thị S, bà Mai Thị Q, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T. Khi còn sống, gia đình bà C khai phá và được cấp quyền sử dụng đối với diện tích 963,8m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 533 và 533A, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729 (nay là thửa đất số 236, mảnh trích đo địa chính số 184-2018 khu vực Thôn 5, xã HK). Sau khi bà C chết, thửa đất trên do ông V quản lý và không phân chia cho những người thừa kế khác, trong đó có bà S.

Bị đơn (có yêu cầu phản tố) - ông Nguyễn Văn V trình bày như sau:

Ông Nguyễn Văn V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 963,8m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 533 và 533A. Ông V có đơn phản tố đề nghị Tòa án công nhận bản di chúc của bà Hồ Thị C lập ngày 21/4/2008 là hợp pháp và giao cho ông V được quyền quản lý sử dụng diện tích 963,8m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 533 và 533A, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729 (nay là thửa đất số 236, mảnh trích đo địa chính số 184-2018 khu vực Thôn 5, xã HK).

Căn cứ yêu cầu: Bà Hồ Thị C có bốn người con gồm, bà Mai Thị S, bà Mai Thị Q, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn V. Khi còn sống, hộ bà Hồ Thị C khai hoang và được cấp quyền sử dụng đối với thửa đất số 533 và 533A, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729. Đến ngày 21/4/2008, bà Hồ Thị C có bản di chúc giao quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn V được quyền sử dụng 240m² đất thổ cư, 660m² đất màu thuộc thửa đất số 533 và 533A, tờ bản đồ số 4, giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729. Ông V được quyền quản lý sử dụng tài sản thừa kế của bà C theo như bản di chúc nên ông không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của bà S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Mai Thị Q trình bày:

Bà Q thống nhất ý kiến với bà Mai Thị S, yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà Hồ Thị C chết để lại theo quy định pháp luật, đối với diện tích đất 963,8m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 533 và 533A, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729, bà S yêu cầu chia tài sản thừa kế thành bốn phần bằng nhau cho bốn chị em. Bà Q không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn vì bản di chúc ông V cung cấp là không hợp pháp, do tại thời điểm lập di chúc bà C đã già yếu, không còn minh mẫn khi lập di chúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T thống nhất ý kiến với bà Mai Thị S, đồng ý phân chia di sản thừa kế của bà Hồ Thị C chết để lại và chia tài sản chung của hộ gia đình theo quy định pháp luật diện tích đất 963,8m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 533 và 533A, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729 thì yêu cầu chia thành bốn phần bằng nhau cho bốn chị em, bà T yêu cầu nhận hiện vật bằng phần quyền sử dụng đất. Bà T không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn vì bản di chúc ông V cung cấp là không hợp pháp.

+ Bà Võ Thị M trình bày: Bà M và ông Nguyễn Văn V là vợ chồng. Bà M thống nhất như ý kiến và yêu cầu phản tố của ông V.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân S 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân S về phiên tòa sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương S trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 5 điều 26, khoản 1 điều 35, các điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 650, 652, 656 và 667 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị S về yêu cầu chia di sản thừa kế.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn V công nhận một phần di chúc ngày 21/4/2008 của bà Hồ Thị C là hợp pháp: Giao cho ông Nguyễn Văn V được quyền quản lý và sử dụng 2/3 diện tích đất 963,8m² thuộc thửa đất số 533 và 533A, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729 (nay là thửa 236 mảnh trích đo địa chính 184-2018).

Bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý sử dụng 1/3 diện tích đất 963,8m² thuộc thửa đất số 533 và 533A, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729 (nay là thửa 236 mảnh trích đo địa chính 184-2018).

Bà T và ông V có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất.

Tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án:

- Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bản phô tô (công chứng, chứng thực) chứng minh nhân dân mang tên Mai Thị S, Nguyễn Thị T, 02 sổ hộ khẩu.

- Chứng cứ do bị đơn cung cấp: Bản phô tô chứng thực chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giấy chứng tử; bản di chúc; đơn yêu cầu phản tố về việc công nhận bản di chúc; biên lai thu tiền tạm ứng án phí.

- Chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn V, bà Võ Thị M; bà Mai Thị S, bà Mai Thị Q, bà Nguyễn Thị T; biên bản lấy lời khai của người làm chứng Trần Thanh K ngày 20/7/2018, Nguyễn Bá Th ngày 20/7/2018, Nguyễn Xuân L ngày 22/6/2018; biên bản hòa giải ngày 11/6/2018, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11/6/2018; công văn trả lời của UBND huyện Tánh Linh số 880/UBND-NC ngày 23/5/2019; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/6/2018; sơ đồ đo đạc thửa đất; biên bản định giá tài sản ngày 26/4/2019; biên bản xác minh ngày 22/6/2018, ngày 03/8/2018, ngày 26/7/2018; thông báo thụ lý yêu cầu phản tố.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Tài sản tranh chấp trong vụ án là diện tích đất 963,8m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 533 và 533A, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729 do UBND huyện Tánh Linh cấp ngày 24/3/1993 đứng tên Hồ Thị C. Nguyên đơn bà M Thị S xác định đây là tài sản thừa kế do bà C chết để lại và yêu cầu phân chia theo pháp luật cho bốn người là con của bà C gồm: bà S, bà Q, bà T và ông V. Bị đơn ông Nguyễn Văn V không đồng ý chia theo pháp luật và cung cấp bản di chúc về việc chuyển quyền sử dụng đất đai của bà Hồ Thị C và đề nghị chia theo di chúc cho ông V được quyền quản lý sử dụng toàn bộ tài sản nêu trên. Bà S, bà Q và bà T đều cho rằng bản di chúc ông V cung cấp không hợp pháp vì thời điểm ngày ghi trên di chúc 21/4/2008 bà C không có đủ điều kiện minh mẫn để lập di chúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương S trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi Th luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Bà Mai Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế theo pháp luật là diện tích 963,8m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 533 và 533A, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729 (nay là thửa đất số 236, mảnh trích đo địa chính số 184-2018 khu vực Thôn 5, xã HK) hiện đang do ông Nguyễn Văn V quản lý sử dụng đất thành bốn phần bằng nhau cho bốn người gồm: Bà S, bà Mai Thị Q, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn V; riêng bà T đề nghị chia tài sản chung của hộ gia đình cho bà được nhận hiện vật bằng quyền sử dụng đất. Bị đơn ông Nguyễn Văn V không đồng ý chia tài sản thừa kế theo pháp luật như yêu cầu của bà S và đề nghị công nhận bản di chúc của bà Hồ Thị C được lập ngày 21/4/2008 và giao cho ông được quyền quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất 533 và 533A. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*tranh chấp về quyền sở hữu tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo quy định tại khoản 2 và 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thể hiện trong các tài liệu chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Hồ Thị C có bốn người con gồm: Mai Thị S, Mai Thị Q, Nguyễn Văn V và Nguyễn Thị T ngoài ra không còn người con nào khác. Chồng bà C không xác định thời điểm chết. Ngày 24/3/1993 hộ bà Hồ Thị C được UBND huyện Tánh Linh cấp quyền sử dụng đối với các thửa đất 533A, tờ bản đồ số 4 diện tích 240m² đất thổ cư, thửa số 533, tờ bản đồ số 4, diện tích 660m² đất màu, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729. Bà Hồ Thị C chết năm 2009, sau khi bà C chết, ông V là người quản lý tài sản. Các bên không thống nhất về phân chia tài sản thừa kế nên bà Mai Thị S khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 533A, tờ bản đồ số 4 diện tích 240m² đất thổ cư, thửa số 533, tờ bản đồ số 4, diện tích 660m² đất màu.

Về di sản thừa kế và nguồn gốc tài sản: tại công văn số 880/UBND-NC ngày 23/5/2019 của UBND huyện Tánh Linh trả lời giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471297 ngày 24/3/1993 được cấp cho hộ bà Hồ Thị C. Tại biên bản xác minh ngày 6/6/2019 của Công an xã HK xác định thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471297 trong hộ bà Hồ Thị C còn có ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T (đều là con của bà C). Như vậy, thửa đất 533A, tờ bản đồ số 4 diện tích 240m² đất thổ cư, thửa số 533, tờ bản đồ số 4, diện tích 660m² đất màu, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729 là tài sản chung của hộ gia đình, trong đó bà T, ông V là thành viên nên, di sản thừa kế của bà C chỉ thuộc một phần trong khối tài sản chung này với ông V, bà T. Nguồn gốc tài sản do các đương sự thừa nhận được hộ gia đình bà C canh tác sử dụng trước năm 1993 và được UBND huyện Tánh Linh cấp quyền sử dụng năm 1993; mà trực tiếp là bà C và ông V canh tác sử dụng, bà T lập gia đình và tách hộ chuyển đi nơi khác sinh sống, tại thời điểm giải quyết vụ án, trên đất không có công trình xây dựng, tài sản gì trên đất. Trong quá trình tố tụng ông Nguyễn Văn V giao nộp bản di chúc của bà Hồ Thị C lập ngày 21/4/2008 và yêu cầu chia thừa kế theo di chúc. Tại phiên tòa hôm nay, ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận bản di chúc lập ngày 21/4/2008 là hợp pháp.

Xét về nội dung và hình thức của di chúc: tại các Điều 646 và 675 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết*”. Điều 650. *Những trường hợp thừa kế*

theo pháp luật 1. Thừa kế theo pháp luật được áp dụng trong trường hợp sau đây: a) Không có di chúc; b) Di chúc không hợp pháp...”. Về hình thức: di chúc được lập bằng văn bản ghi ngày 21/4/2008, do ông Nguyễn Xuân L viết và có người làm chứng là ông Nguyễn Bá Th và ông Trần Thanh K, tại Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc”. Qua xác minh và trình bày tại phiên tòa hôm nay thì người làm chứng Nguyễn Xuân L, Trần Thanh K và Nguyễn Bá Th đều xác định có trực tiếp chứng kiến quá trình lập di chúc của bà Hồ Thị C, bà C đã ký và điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt ông K và ông Th; tại thời điểm lập di chúc, bà C minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép; Nội dung bản di chúc thể hiện “bà C tuyên bố giao quyền sử dụng cho con trai tên là Nguyễn Văn V được quyền sử dụng 240m² đất thổ cư, 660m² đất màu, 900m² đất lúa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471279”. Trong khi đó, bà Mai Thị S, bà Mai Thị Q và Nguyễn Thị T đều cho rằng, thời điểm lập di chúc 21/4/2008 bà C không còn minh mẫn, sáng suốt, không đủ điều kiện về sức khỏe để lập di chúc và cung cấp thông tin về việc bà C có đến UBND xã HK chứng thực di chúc nhưng không được thực hiện vì bà không minh mẫn.

Kết quả xác minh tại UBND xã HK thể hiện, khi còn sống, bà C có đến UBND xã HK để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đai nhưng bà C có biểu hiện không tinh táo, minh mẫn nên không thực hiện được thủ tục. Tuy nhiên, trên cơ sở thông tin xác minh thì không có hồ sơ căn cứ xác định của cơ quan y tế có thẩm quyền xác định bà C không minh mẫn sáng suốt, không đủ sức khỏe để thực hiện thủ tục hành chính mà chỉ là S đánh giá nhìn nhận khách quan qua biểu hiện bên ngoài của bà C. Mặt khác, tại thời điểm lập di chúc, người làm chứng (ông Th và ông K, ông L) đều xác định bà C đủ điều kiện về sức khỏe và minh mẫn để lập di chúc. Bà Q, bà S và bà T đều không cung cấp được thông tin tài liệu chứng cứ chứng minh bản di chúc của bà Hồ Thị C do ông V cung cấp là không hợp pháp, người lập di chúc không minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép. Như vậy, bản di chúc của bà Hồ Thị C lập ngày 21/4/2008 do bị đơn ông V cung cấp đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định tại 647, 648, 650, 652, 656 Bộ luật dân sự năm 2005. Nên yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn V là có cơ sở chấp nhận. Về nội dung di chúc thể hiện ý chí nguyện vọng của bà Hồ Thị C chuyển giao phần quyền sử dụng về tài sản của bà đối với thửa đất 533 và 533A cho ông Nguyễn Văn V; nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được công nhận. Trên cơ sở đó, cần xem xét chia thừa kế theo di chúc như yêu cầu của ông V là phù hợp, nhưng như đã phân tích trên, diện tích 963,8m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 533 và 533A, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471279 là tài sản của hộ gia đình mà bà Hồ Thị C là người đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ gia đình bà C còn có ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T nên phần di sản thừa kế mà bà Hồ Thị C để lại chỉ thuộc một phần trong khối tài sản,

đối với phần di sản không thuộc quyền sử dụng của bà C được bà C lập di chúc để lại cho ông V là vô hiệu. Theo đó xét thấy cần giao cho ông V được quyền quản lý sử dụng phần di sản thừa kế của bà C tương ứng với tỷ lệ 1/3 thừa đất trên, tỷ lệ 2/3 thừa đất còn lại xem xét chia tài sản chung cho ông V và bà T.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T có đề nghị được phân chia tài sản chung của hộ gia đình, bà T đề nghị được nhận một phần diện tích đất trong thửa đất số 533 và 533A. Diện tích thực tế của thửa đất số 533 và 533A hiện nay theo kết quả đo đạc tại mảnh trích đo địa chính số 184-2018 ngày 08/11/2018 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Tánh Linh đo vẽ ngày 08/11/2018 là 963,8m²; trong tổng diện tích này, chia cho ông V được quyền quản lý sử dụng 2/3 (bao gồm phần di sản thừa kế của bà C) và bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý sử dụng 1/3 diện tích đất, có diện tích 321,9m², trong đó đất ở là 80,04m² + 241,9m² đất trong cây hàng năm, có trị giá 270.000.000đ. Ông Nguyễn Văn V được quản lý sử dụng phần diện tích đất còn lại là 641,9m², trong đó có 159,96m² đất ở + 482m² đất trồng cây hàng năm sau khi chia cho bà T có trị giá 547.650.000đ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn dẫn đến loại trừ việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Mai Thị S về yêu cầu chia tài sản thừa kế theo pháp luật. Do đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mai Thị S về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 533 và 533A, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729 là phù hợp với quy định tại các Điều 647, 648, 650, 652, 656 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Mai Thị S đã nộp tạm ứng các chi phí tố tụng gồm: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.200.000đ, chi phí đo đạc 2.259.000đ; chi phí định giá tài sản 1.000.000đ. Ông V và bà T được chia tài sản nên phải chịu phần chi phí tố tụng tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản được chia, buộc ông V chịu 2/3 và bà T chịu 1/3, ông V có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà S 800.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, 1.506.000đ chi phí đo đạc và 666.000đ chi phí định giá tài sản; bà T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà S 400.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; 753.000đ chi phí đo đạc và 334.000đ chi phí định giá tài sản là phù hợp với quy định tại các Điều 157 và 165 BLTTDS.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị S không được chấp nhận nên bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà S hiện nay trên 60 tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 2, 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 157, 165, 203, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 647, 648, 649, 650, 652, 656 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 113 luật đất đai năm 2003;
- Điều 12, 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị S về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Hồ Thị C đối với quyền sử dụng đất tại thửa số 533 và 533A, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729 do UBND huyện Tánh Linh cấp ngày 24/3/1993 cho hộ bà Hồ Thị C.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn V về việc yêu cầu công nhận di chúc của bà Hồ Thị C lập ngày 21/4/2008 và chia tài sản thừa kế theo di chúc đối với quyền sử dụng đất tại thửa số 533 và 533A, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729 do UBND huyện Tánh Linh cấp ngày 24/3/1993 cho hộ bà Hồ Thị C. Công nhận một phần di chúc của bà Hồ Thị C lập ngày 21/4/2008 là hợp pháp.

3. Xác định: Quyền sử dụng 1/3 thửa đất số 533 và 533A tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729 do UBND huyện Tánh Linh cấp ngày 24/3/1993 (nay là thửa số 236, tờ bản đồ số 75 mảnh trích đo địa chính số 184-2018 ngày 08/11/2018 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Tánh Linh đo vẽ ngày 08/11/2018) tại Thôn 5, xã HK, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận là di sản của bà Hồ Thị C.

4. Chia di sản của bà Hồ Thị C cho ông Nguyễn Văn V được thừa kế theo di chúc và chia tài sản chung của hộ gia đình cho ông Nguyễn Văn V.

Giao cho ông Nguyễn Văn V được quyền quản lý sử dụng 641.9m², trong đó có 159.96m² đất ở + 482m² đất trồng cây hàng năm thuộc thửa đất số 533 và 533A tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729, do UBND huyện Tánh Linh cấp ngày 24/3/1993 (nay là thửa số 236, tờ bản đồ số 75 mảnh trích đo địa chính số 184-2018 ngày 08/11/2018 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Tánh Linh đo vẽ ngày 08/11/2018) tại Thôn 5, xã HK, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận, có vị trí tứ cận như sau: phía đông giáp đường DT717, phía tây giáp đất Phùng Văn Ng, phía nam giáp đất Nguyễn Thị T, phía bắc giáp đất Trần Xuân Đ (cạnh thứ nhất từ vị trí 2 kéo sang vị trí số 3 là 12,17m, cạnh thứ hai từ vị trí điểm 1 kéo sang điểm 4 là 12,17m, cạnh thứ ba từ điểm 1 đến giáp đường ĐT 717, cạnh còn lại song song với cạnh thứ ba) trị giá tài sản được nhận là 547.650.000đ.

5. Chia tài sản chung của hộ gia đình cho bà Nguyễn Thị T. Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý sử dụng 321,9m², trong đó đất ở là 80,04m² + 241,9m² đất trong cây hàng năm thuộc thửa đất số 533 và 533A tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B471729 do UBND huyện Tánh Linh cấp ngày

24/3/1993 (nay là thửa số 236, tờ bản đồ số 75 mảnh trích đo địa chính số 184-2018 ngày 08/11/2018 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Tánh Linh đo vẽ ngày 08/11/2018) tại Thôn 5, xã HK, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận, có vị trí như sau: cạnh thứ nhất từ vị trí 3 kéo sang vị trí số 2 là 6m, cạnh thứ hai từ vị trí điểm 4 kéo sang điểm 1 là 6m, cạnh thứ ba từ điểm 3 đến điểm 4, cạnh còn lại song song với cạnh thứ ba (phía đông giáp đường ĐT717, phía tây giáp đất Phùng Văn Ng, phía nam giáp phần đất Nguyễn Đình V1, phía bắc giáp đất Nguyễn Văn V), trị giá tài sản được nhận 270.000.000đ.

(có sơ đồ vị trí kèm theo).

6. Chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn V chịu 2/3 chi phí tố tụng và bà Nguyễn Thị T chịu 1/3 chi phí tố tụng.

- Buộc ông Nguyễn Văn V phải hoàn trả cho bà Mai Thị S số tiền chi phí tố tụng: 800.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; 1.506.000đ chi phí đo đạc và 666.000đ chi phí định giá tài sản;

- Buộc bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả cho bà Mai Thị S số tiền chi phí tố tụng: 400.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; 753.000đ chi phí đo đạc và 334.000đ chi phí định giá tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân S năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Về án phí:

- Miễn nộp tiền án phí dân S sơ thẩm cho bà Mai Thị S.

- Buộc ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Văn V phải nộp 300.000đ án phí dân sự không giá ngạch và 25.906.000 án phí dân sự có giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0026872 ngày 30/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Ông V nộp đủ tiền án phí dân sự không giá ngạch. Ông V còn phải nộp số tiền 25.906.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp 13.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/8/2019;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự.....;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng
Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Mạnh Trí